**TUẦN 30:**

**Toán: PHÉP TRỪ KHÔNG NHỚ TRONG PHẠM VI 1000**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\***Kiến thức, kĩ năng:**

- HS biết cách làm tính trừ không nhớ các số trong phạm vi 1000.

- Làm được dạng toán có 2 bước tính.

- Biết so sánh các số, đơn vị đo độ dài mét.

**\*Phát triển năng lực và phẩm chất:**

- Phát triển năng lực tính toán.

- Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK, tranh ảnh các bài tập, phiếu bài tập 4.

- HS: SGK, vở Toán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |
| --- |
| **PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (T3)**Thứ hai, 8/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Kiểm tra: Luyện tập**- Gọi 2HS lên bảng làm.\*Đặt tính rồi tính: HS1: 257– 132 HS2: 753 - 354- GV sửa bài và nhận xét. **2. Dạy bài mới:****\* Luyện tập:***Bài 1:* - Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV trong tranh vẽ con gì? Vậy con trâu trong tranh ăn gì?+Trâu sẽ ăn bó cỏ ghi phép tính có kết quả lớn nhất? Vậy con trâu sẽ ăn bó cỏ nào?+Vì sao?- Nhận xét, tuyên dương HS.*Bài 2:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- Bài toán thực hiện mấy phép tính?- GV cho HS làm việc nhóm đôi.- GV gọi một số nhóm trả lời.- GV nhận xét bài làm của các nhóm và bài làm trên bảng.*Bài 3:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?+ Bài toán cho biết có 2 hình gì?+ Trong hình tròn có những số nào?+ Trong hình tròn số nào là số lớn nhất?+ Trong hình vuông có những số nào?+ Trong hình vuông số bé nhất là số nào?+ Hiệu của số lớn nhất trong hình tròn và số bé nhất trong hình vuông là số bao nhiêu?+ Em làm như thế nào?- GV nhận xét, tuyên dương HS.Bài 4:- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS làm phiếu bài tập.- GV thu nhận xét một số phiếu.- GV quan sát nhật xét, sửa bài.Bài 5:- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV tổ chức cho học sinh thực hành làm bài tập a.- GV quan sát học sinh thực hiện và cho nêu cách làm.- GV chốt: Nhấc 1 que tính ở số 8 (để được số 9) rồi xếp vào số 0 (để được số 8) khi đó số lớn nhất có thể xếp được là 798.b/ GV cho HS làm vào bảng con.- GV nhận xét, sửa bài.- Kết quả 798 – 780 = 18**3. Củng cố, dặn dò:**- Chuẩn bị bài mới- Nhận xét giờ học. | - HS làm.- HS làm bảng con.- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- Vẽ con trâu. Trâu trong tranh ăn cỏ.- HS trả lời theo ý của mình.- HS giải thích so sánh 3 số chọn số lớn nhất.- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- Bài toán thực hiện 2 phép tính.- HS làm việc nhóm.- Gọi 2 nhóm lên bảng.- HS nhận xét.- HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- Có 1 hình vuông và 1 hình tròn.- Gồm 3 số 824, 842, 749- Số lớn nhất trong hình tròn là số 842.- HS trả lời- Là số 410- HS là số 432.- HS số lớn nhất trong hình tròn là 842, số bé nhất trong hình vuông là số 410. Ta lấy 842 số lớn nhất trong hình tròn trừ 410 số bé nhất trong hình vuông bằng 432. - HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- 1-2 HS làm bảng nhóm, cả lớp làm phiếu bài tập.- HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- HS thực hành làm.- HS trả lời theo ý của mình.- HS nhận xét.- HS lắng nghe.- Cả lớp làm.-HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY: (Nếu có)**

………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………

**Toán: PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\***Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000.

- Làm được dạng toán có lời văn với một bước tính.

- Biết vận dụng phép trừ có nhớ trong phạm vi 1000.

- Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

**\*Phát triển năng lực và phẩm chất:**

-Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.

- Phát triển năng lực tính toán và giải quyết vấn đề

- Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.

- Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Máy tính, máy chiếu, tivi chiếu nội dung bài, phiếu bài tập 2

- HS: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |
| --- |
| **PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (T1)**Thứ ba, 9/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Kiểm tra: Luyện tập**- Gọi 2HS lên bảng làm.\*Đặt tính rồi tính: HS1: 257– 132 HS2: 753 - 354- GV sửa bài và nhận xét. **2. Dạy bài mới:****2.1. Khám phá:****-** GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.91:+ Trong tranh vẽ gi?+ Cho từng HS đọc lời thoại của 3 nhân vật?+ Bạn Việt có bao nhiêu dây thun?+ Bạn Nam có bao nhiêu dây thun?+ Nêu phép tính?+ Để biết bạn Nam có bao nhiêu dây thun ta làm thế nào?- GV ghi phép tính lên bảng 386 – 139- GV gọi 1HS lên bảng đặt tính.- GV nhận xét hướng dẫn HS tính- GV cho HS nêu cách thực hiện tính.- GV hướng dẫn học sinh tính.+ 6 không trừ được 9 ta lấy 16 trừ 9 bằng 7, viết 7 nhớ 1. 8 trừ 1 bằng 7, 7 trừ 3 bằng 4 viết 4. 3 trừ 1 bằng 2 viết 2- GV Bạn Nam có bao nhiêu dây thun?- 386 – 139 bằng bao nhiêu? - Nhận xét, tuyên dương.**2.2. Hoạt động:***Bài 1:* - Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS làm bảng con.- GV cho HS nêu cách thực hiện phép tính và cách tính của một số phép tính.- GV sửa bài - Nhận xét, tuyên dương.*Bài 2:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS làm phiếu bài tập.- GV thu và nhận xét một số phiếu.- GV cho HS nêu cách đặt tính, thực hiện phép tính và cách tính của một số phép tính.- GV sửa bài - Nhận xét, tuyên dương.- GV nhắc HS cẩn thận khi thực hiện phép trừ có nhớ.*Bài 3:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài toán cho biết gì?- Bài toán hỏi gì?- Bài toán yêu cầu tìm gì?- Muốn biết số cây giống trong vườn ươm ta làm thế nào?- GV chốt lại cách giải. - GV thu một số vở nhanh nhất nhận xét.- GV nhận xét- GV nhận xét, khen ngợi HS.**3. Củng cố, dặn dò:**- Hôm nay em học bài gì? - Chuẩn bị bài mới.- Nhận xét giờ học. | - HS làm.- HS làm bảng con.-HS quan sát.- HS trả lời theo ý kiến của mình.- HS đọc.- HS có 386 dây thun.- Bạn Nam ít hơn bạn Việt 139 dây thun.- Ta lấy số dây thun của bạn Việt trừ đi số dây thun bạn Nam ít hơn bạn Việt: 386 – 139- HS lên bảng đặt tính cả lớp quan sát.- HS nêu- HS quan sát thao tác của GV trên máy chiếu.- HS nhắc lại và thao tác trên bảng con.- Bạn Nam có 247 dây thun.- 386 – 139 = 247 - HS lắng nghe, nhắc lại.- 2 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- HS lên làm trên bảng, cả lớp làm bảng con.- HS trả lời.- HS lắng nghe.- 2 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- 2 học sinh làm bảng nhóm, cả lớp làm vào phiếu bài tập.- HS nêu.- HS lắng nghe- 2 -3 HS đọc.-Trong vườn ươm có 456 cây giống. Người ta lấy đi 148 cây giống để trồng rừng.- Hỏi trong vườn ươm còn lại bao nhiêu cây giống?- Tìm số cây giống trong vườn ươm.- HS trả lời.-1HS làm bảng lớp cả lớp làm vào vở.**Giải** Số cây giống còn lại là.456 - 148 = 308 (cây) Đáp số: 308 cây-HS nhận xét.- HS nêu.- HS lắng nghe. |
| **PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (T2)**Thứ ba, 9/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Kiểm tra: Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000.**- Gọi 2HS lên bảng làm.\*Đặt tính rồi tính: HS1: 548 – 19 HS2: 485 - 128- GV sửa bài và nhận xét. **2. Dạy bài mới:****\* Luyện tập:***Bài 1:* - Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- Gọi 1 HS lên bảng đặt tính và nêu cách thực hiện phép tính.- GV hướng dẫn HS làm mẫu phép tính 457 – 285+ 7 trừ 5 bằng 2 viết 2. 5 không trừ được 8 tay lấy 15 trừ 8 bằng 7, viết 7. 4 trừ 1 bằng 3, 3 trừ 2 bằng 1, viết 1.+ 457 – 285 bằng bao nhiêu?+ HS đọc lại- GV cho HS làm các phép tính còn lại vào bảng con.- Cho HS nêu cách tính.- GV quan sát HS.- GV kiểm tra bài làm trên bảng.- GV cho HS đọc lại các phép tính đúng.- Nhận xét, tuyên dương HS.*Bài 2:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?+ Tên thành phần các số ở hàng thứ nhất?+ Tên thành phần các số ở hàng thứ hai?+ Hàng thứ ba yêu cầu ta tìm gì?- GV cho HS làm phiếu bài tập.- GV thu và nhận xét một số phiếu.- GV cho HS nêu cách đặt tính, thực hiện phép tính và cách tính của một số phép tính.- GV sửa bài - Nhận xét, tuyên dương.- GV nhắc HS cẩn thận khi thực hiện phép trừ có nhớ.-GV nhận xét.*Bài 3:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS quan sát tranh:+ Bác đưa thư là con gì?+ Trong mỗi bức thư có những phép tính nào?+ Để tìm địa chỉ cho bức thư ta phải làm gì?- GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất”- GV phổ biến luật chơi cách chơi.- GV quan sát, nhận xét.- GV đưa ra kết quả đúng. - GV tuyên dương.Bài 4:- Gọi HS đọc YC bài.- Bài toán cho biết gì?- Bài toán hỏi gì?- Bài toán yêu cầu tìm gì?- Muốn tìm số người làm việc ở công ty cuối năm ta làm thế nào?- GV chốt lại cách giải. - GV thu một số vở nhanh nhất nhận xét.- GV nhận xét- GV nhận xét, khen ngợi HS.Bài 5:- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS quan sát:+ Bạn Rô – bốt đang làm gi?- Để biết bạn có đến được kho báu không cô sẽ tổ chức cho lớp mình tham gia kiểm tra xem Rô- bốt đã đến chưa?- GV chia lớp làm 3 nhóm.- GV quan sát, hướng dẫn.- GV cho các nhóm trình bày kết quả của mình.- GV chốt: 392 – 100, 782 – 245, 728 – 348, 380 – 342, 500 + 500.+ Kết quả Rô- bốt có đến được kho báu không?- GV nhận xét, tuyên dương.**3. Củng cố, dặn dò:**- Chuẩn bị bài mới- Nhận xét giờ học. | - HS làm.- HS làm bảng con.- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- Cả lớp đặt tính vào bảng con.- HS quan sát- 1HS lên bảng. Cả lớp làm vào phiếu - HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn.- HS bằng 172- HS đọc và thực hiện tính vào bảng con.- HS nêu.- HS đọc- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- Số bị trừ.- Số trừ.- Tìm hiệu.- 2 học sinh làm bảng lớp, cả lớp làm vào phiếu bài tập.- HS nêu.- HS lắng nghe- HS đọc- HS trả lời.- Bác đưa thư là con chuột.- 382 – 190, 364 – 126, 560 – 226, 900 - 700- Phải tìm được kết quả của các phép tính. - HS lắng nghe và thực hiện chơi.- HS nhận xét.- 2 HS đọc.- Đầu năm, một công ty có 205 người đang làm việc. Đến cuối năm, công ty có 12 người nghỉ việc.- Hỏi cuối năm công ty đó còn lại bao nhiêu người làm việc?- Tìm số người làm việc còn lại ở công ty.- HS trả lời.-1HS làm bảng lớp cả lớp làm vào vở.**Giải** Số người làm việc ở công ty cuối năm là.205 - 12 = 193 (người) Đáp số: 193 người-HS nhận xét.- HS đọc- HS trả lời.- HS quan sát.- Bạn đang tìm kho báu.- HS lắng nghe.- Lớp làm việc nhóm- HS trình bày kết quả.- Rô- bốt đã đến được kho báu.- HS đọc kết quả đúng- HS lắng nghe. |
| **PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (T3)**Thứ năm, 11/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Kiểm tra: Luyện tập**- Gọi 2HS lên bảng làm.\*Đặt tính rồi tính: HS1: 782 – 245 HS2: 364 – 126- GV sửa bài và nhận xét. **2. Dạy bài mới:****\*Luyện tập:***Bài 1:* - Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS làm bảng con.- GV hướng dẫn HS làm mẫu phép tính 800 + 200, 1000 – 200, 1000 – 800.- GV cho HS thực hiện tính nhẩm.- GV cho HS thấy mối liên hệ giữa phép trừ và phép cộng.- GV cho HS lần lượt làm các phép tính còn lại.- Cho HS nêu cách tính.- GV quan sát, nhận xét.- GV cho HS đọc lại các phép tính đúng.- Nhận xét, tuyên dương HS.*Bài 2:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS làm phiếu bài tập.- GV thu và nhận xét một số phiếu.- GV cho HS nêu cách tính của một số phép tính.- GV sửa bài - Nhận xét, tuyên dương.- GV nhắc HS cẩn thận khi thực hiện phép trừ có nhớ.Bài 3:- Gọi HS đọc YC bài.- Bài toán cho biết gì?- Bài toán hỏi gì?- Bài toán yêu cầu tìm gì?- Muốn tìm số huy chương vàng đoàn thể thao Việt Nam giành được ta làm thế nào?- GV chốt lại cách giải. - GV thu một số vở nhanh nhất nhận xét.- GV nhận xét- GV nhận xét, khen ngợi HS.*Bài 4:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS quan sát tranh/T.94.+ Mỗi cái áo có màu gì?+ Số lớn nhất ghi trên áo nào?+ Số nhỏ nhất ghi trên áo nào?+ Để tìm được số trên mỗi chiếc áo ta làm thế nào?-GV cho HS chơi trò chơi.- GV phổ biến luật chơi cách chơi.- GV quan sát, nhận xét.- GV đưa ra kết quả đúng. + Số lớn nhất ghi trên áo màu đỏ là số bao nhiêu?+ Số nhỏ nhất ghi trên áo màu vàng là số bao nhiêu?- GV viên tuyên dương.Bài 5:- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV cho HS quan sát:+ Bạn Rô – bốt đang làm gi?+ Cô bé nói gì với Rô- bốt?- Để giúp Rô- bốt sửa lại kết quả đúng cả lớp làm vào bảng con.- GV quan sát, sửa bài.- GV chốt: 529 – 130 = 399.+ Kết quả Rô- bốt làm sai phép tính nào?- GV nhận xét, tuyên dương.**3. Củng cố, dặn dò:**- Chuẩn bị bài mới- Nhận xét giờ học. | - HS làm.- HS làm bảng con.- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- Cả lớp viết phép tính vào bảng con.- HS quan sát- HS thực hiện tính.- HS lắng nghe.- HS cùng làm. - HS nhận xét. - HS nêu.- HS đọc.- HS đọc.- 1HS trả lời.- 2 học sinh làm bảng lớp, cả lớp làm vào phiếu bài tập.- HS nêu.- HS lắng nghe- 2 -3 HS đọc.- HS trả lời.- HS trả lời.- Tìm số huy chương vàng đoàn thể thao Việt Nam giành được.- HS trả lời.- 1HS làm bảng lớp cả lớp làm vào vở.**Giải** Số huy chương vàng đoàn thể thao Việt Nam giành được là.288 - 190 = 98 (huy chương) Đáp số: 98 huy chương vàng-HS nhận xét.- HS đọc- HS trả lời.- Màu đỏ, màu vàng, màu xanh.- Màu đỏ.- Màu vàng.- Ta phải tìm kết quả của các phép tính.- HS lắng nghe và thực hiện chơi.- HS nhận xét.- Số 126- Số 95- HS đọc- HS trả lời.- HS quan sát.- Bạn đang làm tính.- Cậu tính sai rồi.- HS lắng nghe.- 3 HS lên bảng. Cả lớp làm bảng con.- HS trả lời.- HS đọc kết quả đúng- HS lắng nghe. |
| **PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (T4)**Thứ sáu, 12/4/2024 |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Kiểm tra:****2. Dạy bài mới:****2.1. Giới thiệu bài****2.2. Luyện tập***Bài 1:* - Gọi HS đọc yêu cầu bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV hướng dẫn: Nhiệm vụ của các em là giúp Mai tìm lại kết quả của các phép tính. - GV mời 1 HS lên bảng thực hiện 4 phép tính. HS cả lớp làm bài vào vở.- GV nhận xét, tuyên dương.*Bài 2:*- Gọi HS đọc yêu cầu bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, tìm chữ số thích hợp để hoàn thiện phép tính.- GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn.- Mời các nhóm trình bày kết quả trước lớp.- Đánh giá, nhận xét bài HS.*Bài 3:*- Gọi HS đọc yêu cầu bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV hướng dẫn HS cần tính kết quả của các phép tính rồi đối chiếu chữ cái tương ứng ở bảng thứ nhất, sau đó điền chữ cái vào bảng thứ hai rồi thêm dấu thanh để tìm ra ô chữ.- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trình bày kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương HS*Bài 4:*- Gọi HS đọc yêu cầu bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV tổ chức cho HS trò chơi “Ai nhanh, ai đúng?”- GV nhận xét, khen ngợi đội chơi thắng cuộc.*Bài 5:*- Gọi HS đọc yêu cầu bài.- GV yêu cầu HS: Hãy kể tên những ngọn núi mà em biết?- GV hướng dẫn HS xem số liệu về độ cao của 4 ngọn núi đã cho, sau đó trả lời 3 câu hỏi trong SGK.- GV yêu cầu HS trả lời câu a.- Câu b và câu c, GV tổ chức cho HS trình bày bài giải theo các bước của bài toán có lời văn. - GV nhận xét, tuyên dương HS**3. Củng cố, dặn dò:**- Hôm nay em học bài gì? - Nhận xét giờ học. | - 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- HS lắng nghe.- 1 HS lên bảng thực hiện 4 phép tính. HS cả lớp làm bài vào vở.- HS trình bày cách tính. HS khác nhận xét.- HS đổi chéo kiểm tra.- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- HS thảo luận nhóm, tìm chữ số thích hợp để hoàn thiện phép tính trên phiếu bài tập.- Đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời.- HS lắng nghe.- HS trình bày đáp án ô chữ: TRUNG THỰC.- 2 -3 HS đọc.- 1-2 HS trả lời: Tìm cây nấm cho mỗi bạn nhím.- HS tham gia trò chơi. Nối cây nấm với bạn nhím để có phép tính phù hợp.- HS lắng nghe.- 1-2 HS đọc yêu cầu bài.- HS chia sẻ.- HS lắng nghe, thực hiện.- HS trình bày kết quả câu a) *Núi Bà Đen cao nhất, núi Ngự Bình thấp nhất.*- 2 HS lên bảng thực hiện câu b và c. Cả lớp làm vào vở.- HS trình bày bài giải:b) *Núi Bà Đen cao hơn núi Cấm số mét là: 986 – 705 = 281 (m)* *Đáp số: 281 m*c) *Núi Ngự Bình thấp hơn núi Sơn Trà số mét là: 696 – 107 = 589 (m)* *Đáp số: 589 m*- HS đổi vở, soát lỗi- HS chia sẻ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY: (Nếu có)**

………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………

 **PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (Tiết 3)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT *:***

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Củng cố cho học sinh phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000, so sánh số, đơn vị đo mét.

 ***2. Năng lực:***

**-** Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.

- Phát triển năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề

 ***3. Phẩm chất:***

- Thông qua hoạt động giao tiếp HS tự tin trả lời câu hỏi

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Phiếu bài tập, máy tính, màn chiếu

- HS: Vở BT, que tính

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC CHỦ YẾU:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:** - Cho cả lớp hát 1 bài**2. HDHS làm bài tập****Bài 1**: **Khoanh vào kết quả lớn nhất** - Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?+ Làm sao để tìm được phép tính có kết quả lớn nhất?- Yêu cầu HS làm bài vào vở BT, sau đó trình bày miệng kết quả- Gv chữa bài, chốt kết quả đúng+ Vì sao bạn chó chọn khúc xương thứ hai?- GV nhận xét, tuyên dương HS**Bài 2:** **Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng** 1. 229 - 117 + 345 bằng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. 547
 | 1. 457
 | 1. 574
 |

1. 283 - 230 + 671 bằng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. 724
 | B.714 | C.742 |

**-** Hãy nêu thứ tự thực hiện phép tính?**-** Phát phiếu cho HS làm, sau đó yêu cầu đổi phiếu để kiểm tra bài của bạn**-** Gọi HS trình bày**+** Khi thực hiện phép tính có 2 dấu phép tính ta làm thế nào?- GV khen ngợi tuyên dương HS**Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm**- Gọi HS đọc YC bài.- GV hướng dẫn: BT3 có 3 phần, các e cần quan sát thật kĩ các chữ số trong hình tròn hình chữ nhật, nằm ngoài hình tròn, HCN sau đó viết vào chỗ chấm- Yêu cầu HS làm ra vở Bt, 3 HS lên bảng- Gọi HS nhận xét, chữa bài- Gv nhận xét+BT3 củng cố kiến thức gì?- GV nhận xét, tuyên dương HS**Bài 4: Đ, S?**- Gọi HS đọc đề bài- GV cho HS tự làm bài - Gọi 3 HS nối tiếp nhau trình bày- Chữa bài, chốt đáp án đúng+ Vì sao em điền phần a chữ Đ?Gv hỏi tương tự 2 câu còn lại+ Dựa vào đâu em làm tốt BT2?- GV tuyên dương, khen ngợi HS**Bài 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm**( Dành cho HS năng khiếu)- Gọi HS đọc yêu cầu- GV hướng dẫn HS dùng que tính, sau đó chuyển 1 que diêm như yêu cầu của đề bài: để được số lớn nhất. Tương tự với phần b để tìm số bé nhất.- Yêu cầu HS thực hiện- Gọi 3 HS nối tiếp nêu kết quả, cách làm- Nhận xét, chốt đáp án1. **Củng cố, dặn dò:**

- Gọi HS nhắc lại tên bài học- GV nhận xét tiết học | **-** Cả lớp hát bài: Lớp chúng ta đoàn kết- 2 HS đọc đề bài- Bài yêu cầu” Khoanh vào khúc xương có phép tính lớn nhất mà bạn chó tìm đến+ Ta thực hiện lần lượt các phép tính trừ ở mỗi khúc xương- HS làm bài: Khoanh vào khúc xương 892 - 780- Nhận xét bạn+ Vì khúc xương thứ hai bằng 112 là kết quả lớn nhất so với khúc xương có kết quả 120 và 14.430 – 310892 – 780892 – 780892 – 780892 – 780- 2 HS đọc đề bài- Thực hiện phép tính từ trái sang phải- HS làm bài trên phiếu, sau đó đổi phiếu kiểm tra chéo- HS trình bày kết quảĐáp án: a) B; b) A+HS trả lời: Ta thực hiện lần lượt từ trái sang phải- HS đọc yêu cầu- Lắng nghe- HS làm bài:1. Số lớn nhất nằm ngoài hình tròn: 589
2. Số bé nhất nằm trong HCN: 536
3. Hiệu số lớn nhất nằm ngoài hình tròn và số bé nhất nằm trong HCN:589-536=53

+ So sánh số và phép trừ không nhớ trong phạm vi 1000- HS đọc đề bài- HS làm bài1. Đ b)S c)S

+ Vì Quốc lộ 3A dài 330km nên có chiều dài lớn hơn 300km+ Em sao sánh chiều dài của các đường Quốc lộ- HS đọc yêu cầuHS lần lượt nêu:- a)Nhấc 1 que tính ở số 8 để được số 0, rồi xếp vào số 0 để được số 8  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY: (Nếu có)**

………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………..........................................

**BÀI 62: PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000 (Tiết 4)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Tiếp tục củng cố kiến thức về phép trừ trong phạm vi 1000, về so sánh số và đơn vị đo độ dài là mét

 2. Năng lực:

- Phát huy năng lực tư duy, năng lực giao tiếp

 3. Phẩm chất:

**-** HS cẩn thận, chăm chỉ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: máy tính, màn chiếu

- HS: bảng con, vở BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** |
| **1. Khởi động:** - Cho HS hát một bài kết hợp múa**2. HDHS làm bài tập****Bài 1**: **Đặt tính rồi tính**- Gọi HS đọc đề bài+ Bài 1 có mấy yêu cầu? Đó là những yêu cầu nào?- Cho HS làm bài ra bảng con- Yêu cầu HS trình bày kết quả- GV chữa bài, chiếu lần lượt đáp án ra trên màn hình.+ Bài tập 1 củng cố cho các em kiến thức gì?- Gv nhận xét, tuyên dương HS**Bài 2:** Viết chữ số thích hợp vào ô trống- Gọi HS đọc yêu cầu- GV hướng dẫn: Các em cần tìm chữ số thích hợp để điền vào ô trống ở số trừ và hiệu.- Yêu cầu HS làm bài vào vở luyện- Gọi HS đọc kết quả - GV có thể gọi nhiều em đọc kết quả của 1 phép tính, sau đó nhận xét+ Phần a) vì sao em tìm được chữ số 7 ở hiệu và số 2 ở số trừ ?- Yêu cầu HS chữa bài- GV chốt kết quả đúng , khen ngợi HS**Bài 3: Giải ô chữ**- Yêu cầu HS đọc đề bài- GV tổ chức trò chơi Tiếp sức: Gv gắn bảng phụ gọi 2 đội lên điền chữ cái vào bảng. Đội nào làm xong trước và đúng sẽ chiến thắng.- Gọi 2 đội lên chơi- Gọi HS nhận xét- Gv chốt kết quả đúng, tuyên dương đội thắng+Qua trò chơi giúp các em củng cố kiến thức gì?- Gv khen ngợi, tuyên dương HS**Bài 4: Nối để tìm ổ rơm thích hợp cho mỗi con gà**- Gọi HS đọc đề bài**-** Yêu cầu HS dùng bút chì nối phép tính với kết quả tương ứng- Gọi HS trình bày- GV chữa bài, nhận xét, chốt đáp án.**Bài 5:**- Gọi HS đọc yêu cầu- Cho HS đọc tên các con sông và chiều dài tương ứng+ Sông nào dài nhất? Dài bao nhiêu km?Hướng dẫn HS: a)Viết số đo chiều dài theo thứ tự từ bé đến lớnb)Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng- Yêu cầu HS làm vào vở BT- Gọi HS trình bày- Gv nhận xét, chốt đáp án đúng**3. Củng cố, dặn dò:**- YC HS học bài và chuẩn bị bài sau | **-** Cả lớp múa, hát bài: Ngày hè vui- HS đọc đề bài+ Bài có 2 yêu cầu: Yêu cầu đặt tính và yêu cầu tínhHS làm bài ra bảng con

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 365- 128 | 642-290 | 520-90 | 175-68 |
| 237 |  352 | 430 | 107 |

+Bài tập 1 củng cố cách đặt tính, cách tính phép trừ.- HS đọc đề bàI- HS làm bài

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 5 6 4- **2**5 7**7**3 9 | 7 2 8- **4**9 7**1** 2 3 | 9 8 0- **8**1 9**6**1 1 |

+ Viết số 7 ở hiệu vì 14 - 7 = 7, viết số 2 ở số trừ vì 5- 2 = 3- Đọc nội dung bài HS nối tiếp nhau trình bày: a)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 600 | 567 | 284 | 159 | 391 | 300 |
| H | O | A | S | E | N |

 b)Ô chữ: HOA SEN - Nhận xét bài của bạn  + Trò chơi giúp em ôn lại kiến thức phép trừ trong phạm vi 1000- HS đọc yêu cầu- HS làm bài750 – 90672 – 218251 – 16045491660- Nhận xét bài của bạn HS chữa bài- HS đọc đề bài- HS đọc tên các con sông và số đo chiều dài+ Sông Hồng dài nhất 551 km- HS làm bàia)385km; 411km; 543km; 551kmb)A sông Thái Bìnhc)Sông Hồng dài hơn sông Đà: 8km- HS nhận xét, chữa bài |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY: (Nếu có)**

………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………..........................................